

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH XUYỀN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS - ST
Ngày 18 - 3 - 2022
“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH XUYỀN, TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Tám.

Các Hội thẩm nhân dân

1. Bà Lê Thị Bích Thuần

2. Ông Nguyễn Quang Thái.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2021/TLST - DS ngày 04 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST- DS ngày 04 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Tổ dân phố H, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Tổ dân phố Y, thị trấn T, huyện B tỉnh Vĩnh Phúc, “có đơn xin xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 07 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Do bà Nguyễn Thị D có mối quan hệ quen biết với bà, nên bà D đã hỏi vay tiền của bà để chi tiêu cá nhân và cho con trai là Nguyễn Công T đi xuất khẩu lao động; ngày 10 tháng 12 năm 2018 (âm lịch), bà đã cho bà D vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng); việc vay nợ được lập thành văn bản là “Giấy biên nhận vay tiền”, giấy biên nhận vay tiền không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ cụ thể xong hai bên thỏa thuận miệng là lãi suất 2.000.000 đồng/ tháng/100.000.000 đồng và

hẹn 05 tháng sau sẽ trả cho bà; chữ ký bên người vay tiền là của bà Nguyễn Thị D, mặc dù anh Nguyễn Công T là con trai bà D không trực tiếp hỏi vay, không nhận tiền, xong anh T cũng ký vào bên “người vay tiền”; tiếp theo đến ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) bà D vay tiếp của bà số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*); việc vay nợ được lập thành văn bản là “Giấy biên nhận vay tiền”, chữ ký bên người vay tiền là của bà Nguyễn Thị D; giấy biên nhận vay tiền không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả nợ cụ thể xong hai bên thỏa thuận miệng là lãi suất 2.000.000 đồng/ tháng/100.000.000đồng và bà D hẹn khi nào anh T đi xuất khẩu lao động được và gửi tiền về sẽ trả cho bà; cả hai lần vay tiền đều không có tài sản thế chấp; việc ký hợp đồng và cho vay tiền là cá nhân giữa bà với bà Nguyễn Thị D, không liên quan đến chồng con của bà và chồng con của bà D.

Sau khi ký hợp đồng, bà đã giao đủ tiền cho bà D với tổng số tiền 270.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi triệu đồng*). Trong quá trình sử dụng tiền vay bà D không trả được cho bà được đồng gốc và lãi nào; bà đã khởi kiện bà D đến Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà số tiền gốc là 270.000.000 đồng theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày ngày 10 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) và ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch); đến ngày 22 tháng 11 năm 2021 bà D đã trả cho bà được số tiền gốc là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*); trong đó có 100.000.000 đồng (*Một trăm triệu đồng*) của “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 10 tháng 12 năm 2018 và 50.000.000đồng (*Năm mươi triệu đồng*) của “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch); như vậy Hợp đồng vay tiền ngày ngày 10 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) bà D đã thực hiện xong; đối với Hợp đồng vay tiền ngày 18 tháng 12 năm 2018 thì bà D còn nợ của bà số tiền 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*); sau đó bà đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu bà D trả nợ xong bà D không trả, Tòa án cũng đã báo gọi bà D lên để giải quyết, hòa giải giữa bà với bà D, xong bà D cũng không chấp hành và có ý kiến là đến tết âm lịch năm 2022 sẽ trả cho bà hoặc mỗi tháng trả cho bà số tiền 3000.000 đồng hoặc đến khi nào có đủ tiền thì trả, xong bà D cũng không thực hiện là gây thiệt hại đến quyền lợi của bà.

Nay bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị D trả nợ số tiền 120.000.000 đồng, theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 và không yêu cầu lãi suất kể từ ngày vay đến ngày Tòa án giải quyết; sau khi xét xử sơ thẩm bà mà bà có đơn đề nghị thi hành án thì bà đề nghị Tòa án giải quyết tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Bà xin rút lại yêu cầu khởi kiện buộc bà D phải trả số tiền 100.000.000 đồng theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 10 tháng 12 năm 2018 và rút lại yêu cầu trả số

tiền 50.000.000 đồng trong tổng số tiền 170.000.000 đồng theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018; bà chỉ yêu cầu bà D phải hoàn trả cho bà số tiền 120.000.000 đồng theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch).

Bị đơn là bà Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa xong quá trình giải quyết bà D trình bày: Bà xác nhận quá trình vay tiền, trả nợ như bên nguyên đơn trình bày là đúng; việc vay nợ là của cá nhân bà với bà Đ, không liên quan gì đến chồng con của bà, chữ ký bên vay tiền trong “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 10 tháng 12 và ngày 18 tháng 12 năm 2018 là của bà; bà đã có hai lần vay tiền của bà Đ; sau khi ký hợp đồng vay tiền thì bà Đ đã giao đủ tiền cho bà; sau đó bà không trả nợ được cho bà Đ; khi bà Đ khởi kiện bà đến Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên thì vào ngày 22 tháng 11 năm 2021 bà đã trả nợ cho bà Đ được tổng số tiền là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*); nay bà thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Đ số tiền 120.000.000 đồng theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch); sau đó bà không trả thêm được cho bà Đ được đồng gốc và lãi nào; nay bà Đ khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng, theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 bà nhất trí; tuy nhiên do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà chưa thu xếp trả được nợ ngay cho bà Đ; bà đề nghị mỗi tháng bà trả cho bà Đ 3.000.000 đồng hoặc khi nào có tiền thì bà sẽ trả đủ cho bà Đ.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên phát biểu quan điểm như sau:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 463 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền gốc là 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu*

đồng), theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch); lãi suất đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về án phí đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định ngày 10 và ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) hai bên thỏa thuận lập “Giấy biên nhận vay tiền” với số tiền gốc là 270.000.000đồng; (Hai trăm bảy mươi triệu đồng), do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nguyên đơn đã khởi kiện đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, do đó quan hệ pháp luật mà Tòa án giải quyết là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn cư trú tại thị trấn Thanh Lăng, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị đơn - bà Nguyễn Thị D đã được Tòa án thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; xong không chấp hành nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự; sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt cho bà D; tuy nhiên bà D có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bà D theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung; xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên đơn, bị đơn đều xác định ngày 10 tháng 12 năm 2018 và ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) nguyên đơn đã cho bị đơn vay 02 lần với tổng số tiền là 270.000.000 đồng; đến ngày 22 tháng 11 năm 2021 bà D đã trả cho bà Đ số tiền 150.000.000 đồng; trong đó 100.000.000 đồng cho khoản vay ngày 10 tháng 12 năm 2018 và 50.000.000 đồng cho một phần của khoản vay ngày 18 tháng 12 năm 2018; bà D chỉ còn nợ của bà Đ số tiền 120.000.000 đồng; theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch), do các đương sự đều thừa nhận và xác nhận sự việc này là đúng nên đây là tình tiết, sự kiện, tài liệu không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3.1]. Tại đơn khởi kiện, những lần làm việc ban đầu nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng theo “Giấy biên

nhận vay tiền” ngày 10 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) và 170.000.000 đồng theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch), tổng cộng là 270.000.000 đồng; tuy nhiên tại Đơn đề nghị xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 và không yêu cầu lãi suất. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là thực tâm, tự nguyện và không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đòi bị đơn phải trả số tiền gốc là 120.000.000 đồng, theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch) không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù Hợp đồng vay tài sản các bên chỉ thỏa thuận miệng về thời hạn trả nợ, xong bà Đ đã nhiều lần yêu cầu bà D phải trả nợ, bà D đồng ý xong chỉ thực hiện được nghĩa vụ trả nợ của “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 10 tháng 12 năm 2018 và chỉ thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ của “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018; sau ngày 22 tháng 11 năm 2021 bà D tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ và xin trả nợ dần mỗi tháng là 3.000.000 đồng, nhưng bà Đ không đồng ý; do bà D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ, cần buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 120.000.000 đồng, theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 là phù hợp, được Hội đồng xét xử chấp nhận; do nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền vay kể ngày vay đến ngày Tòa án xét xử nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết;

[3.3] Đối với số tiền lãi, tại phiên tòa nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết việc tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc kể từ ngày nguyên đơn yêu cầu trả nợ, theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tuy trong “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 không thỏa thuận lãi suất, nhưng đã quá hạn bị đơn không trả tiền; vì vậy đề nghị tính lãi suất đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng của nguyên đơn kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án là có căn cứ; cần áp dụng khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, buộc bị đơn phải chịu tiền lãi suất theo quy định của pháp luật trên số nợ gốc chưa trả, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp; bị đơn phải chịu án phí đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện là 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 280, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ- HĐTP, ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Buộc bà Nguyễn Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền 120.000.000đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*); theo “Giấy biên nhận vay tiền” ngày 18 tháng 12 năm 2018 (âm lịch).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị D không thanh toán trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất đối với số nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

2. Về án phí dân: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*); bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí; hoàn trả lại bà Nguyễn Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.750.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 03515, ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên.

3. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Tấn Tám

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Thái Lê Thị Bích Thuần

Nguyễn Tấn Tám

